

BÁO CÁO
CÔNG TÁC Y TẾ THÁNG 01 NĂM 2018
(Từ ngày 20/12/2017 đến 20/01/2018)

Tháng 01 năm 2018, Ngành Y tế Lào Cai đã tham mưu trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án số 7 “phát triển y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân” năm 2018; triển khai thực hiện các hoạt động công tác chuyên môn theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 2018 và Chương trình mục tiêu Y tế - dân số, kết quả cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ THÁNG 01/2018

1. Chương trình mục tiêu Y tế - dân số

1.1. Dự án Phòng chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng

- Phòng chống lao, phong, sốt xuất huyết:

+ Khám phát hiện bệnh nhân Lao: 277 bệnh nhân, lũy kế: 277/4.326 BN = 6,4% KH năm; BN Lao các thể phát hiện: 23 BN, lũy kế: 23/277 BN đạt 8,3% KH; tỷ lệ điều trị khỏi: 12/12 đạt 100%.

+ Khám sàng lọc bệnh phong: Không phát hiện bệnh nhân phong mới. Số BN đang quản lý: 19 (giám sát sau điều trị: 07; chăm sóc tàn tật: 12).

+ Sốt xuất huyết: Không có ca mắc bệnh trong tháng.

- Phòng chống sốt rét: BN mắc sốt rét trong tháng: 01, lũy kế toàn tỉnh: 01; không có BN sốt rét ác tính; tổng số lam, test xét nghiệm: 1.354.

- Phòng chống các bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường và rối loạn nội tiết, chuyển hóa khác: Tổng số khám: 3.686, lũy kế: 3.686/35.000 lượt BN (đạt 10,5% KH năm); trong đó: Khám nội viện: 3.686, lũy kế: 3.686/30.000 (12,3% KH); chưa thực hiện khám ngoại viện. Tổng số BN đang quản lý điều trị: 3.874 (ĐTĐ: 2.241, basedow: 772, suy giáp: 213, BC đơn thuần: 21, bệnh tuyến giáp khác: 627).

- Duy trì thực hiện hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng và trẻ em tại 164/164 xã, phường.

1.2. Dự án Tiêm chủng mở rộng

Triển khai đồng bộ công tác tiêm chủng trên địa bàn tỉnh, duy trì các điểm tiêm chủng ngoại trạm, đảm bảo an toàn tiêm chủng; vắc xin sử dụng có nguồn gốc rõ ràng. Số liệu tiêm chủng tháng 01 các địa phương đang rà soát tổng hợp.

1.3. Dự án Chăm sóc SKSS và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em

Số PN đẻ: 1.367, số PN đẻ được quản lý thai: 1.271 (93%); số PN đẻ được khám thai 3 lần/ 3 thời kỳ: 957 (70%); tổng số bà mẹ và trẻ sơ sinh được

chăm sóc sau sinh: 718 (62,3%); số PN đẻ được cán bộ y tế đỡ: 1.186 đạt 86,8%. Có 02 ca mắc tai biến sản khoa do băng huyết; không có trường hợp tử vong mẹ.

Tổ chức cân, đo và theo dõi tăng trưởng cho trẻ em <5 tuổi bị suy dinh dưỡng, số trẻ em <5 tuổi đã thoát khỏi suy dinh dưỡng: 112. Số PNCT được uống viên sắt/viên đa vi chất: 825.

1.4. Dự án Dân số - KHHGD

Tiếp nhận, cấp phát các phương tiện tránh thai, dự trữ thuốc, vật tư dịch vụ KHHGD. Thực hiện sàng lọc trước sinh cho 62 trường hợp, không phát hiện trường hợp dị tật thai nhi; sàng lọc sơ sinh 170 trẻ, có 19 trẻ nghi ngờ mắc bệnh; khám lại lần 2 ở 01 trẻ xác định mắc thiếu men G6PD, đã được tư vấn theo dõi và điều trị, các trường hợp khác chưa đi khám lại lần 2.

Duy trì hoạt động mô hình giảm tình trạng tảo hôn và kết hôn cận huyết tại 14 xã/ 07 huyện; tiếp tục khảo sát số liệu đầu vào 02 xã (Sán Chải/Si Ma Cai, Tả Van/Sa Pa). Thực hiện hoạt động Đề án giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh tại 100% xã, phường. Giám sát triển khai Đề án Giảm tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh tại 104 câu lạc bộ.

Biến động dân số đến hết 31/12/2017: Tổng số trẻ sinh ra: 13.020, số nữ: 6.077, tỷ số giới tính khi sinh: 114 trẻ trai/100 trẻ gái; số sinh con thứ 3 trở lên là 1.696, tỷ lệ sinh con thứ 3 (+): 13,03%.

1.5. Dự án Đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm

Thực hiện công tác kiểm tra ATTP tại 64 cơ sở trên địa bàn: 52/64 cơ sở đạt TCVS (81,3%); xử lý hành chính: 03 cơ sở, đang xử lý: 02 cơ sở.

Test nhanh 12 mẫu, 100% mẫu đạt; kiểm nghiệm Labo 116 mẫu, chưa có kết quả xét nghiệm.

Giám sát đảm bảo ATTP phục vụ các sự kiện: Lễ Bế mạc Năm du lịch Quốc gia 2017 Lào Cai – Tây Bắc, Hội nghị chuyên đề về Dược liệu và phát triển sản phẩm Du lịch Tây Bắc, trong thời gian diễn ra sự kiện, không có trường hợp ngộ độc thực phẩm cấp tính.

Cấp 27 Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện VSATTP; ký cam kết đảm bảo ATTP đối với 04 cơ sở dịch vụ ăn uống và thức ăn đường phố; xác nhận kiến thức ATTP cho 109 cá nhân. Cấp 04 Giấy công bố hợp quy, công bố phù hợp quy định ATTP.

Trong tháng không xảy ra ngộ độc thực phẩm cấp tính.

1.6. Dự án Phòng chống HIV/AIDS

- Thông tin, giáo dục và truyền thông: PTTT đại chúng: 155 buổi/ 1.261 phút; trực tiếp tại xã, phường trọng điểm: 60 buổi/2.204 người tham gia; tại xã, phường khác: 134 buổi/3.701 người; tại câu lạc bộ: 09 buổi/230 người.

- Can thiệp giảm tác hại dự phòng lây nhiễm HIV/AIDS: Số lượt người nghiện chích ma túy được tiếp cận: 6.198 lượt; số phụ nữ mại dâm được tiếp cận: 206 lượt; cấp phát: BKT sạch: 92.701 chiếc, bao cao su: 5.710 chiếc.

- Hỗ trợ điều trị HIV/AIDS: Số người nhiễm HIV/AIDS quản lý: 1.313, số bệnh nhân nhận thuốc: 831, lũy kế: 1.371. Số phụ nữ mang thai được tư vấn, xét nghiệm và trở lại nhận kết quả: 2.009.

Điều trị thay thế nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone tại 07 cơ sở: Số BN đang điều trị: 1.517/1.785 (đạt 85% KH), riêng ngành y tế: 1.130/1.325 (đạt 85,3%).

- Tình hình dịch HIV trên địa bàn tỉnh: Số BN nhiễm HIV mới phát hiện: 05 (lũy kế: 2.985 người), số người nhiễm HIV còn sống: 1.520; số bệnh nhân AIDS mới: 02 (lũy kế: 2.354 người), số bệnh nhân AIDS còn sống: 889; số BN AIDS tử vong: 03, lũy kế số bệnh nhân AIDS tử vong: 1.465; đảm bảo an toàn truyền máu 100% đơn vị máu được sàng lọc HIV trước khi truyền.

2. Kết quả các công tác chuyên môn, chuyên ngành

2.1. Công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai, thảm họa

Công tác giám sát dịch bệnh được duy trì thường xuyên, chỉ đạo kịp thời hoạt động giám sát, kiểm tra và phòng chống các dịch bệnh nói chung, chú trọng dịch bệnh lưu hành tại địa phương, cảnh báo nguy cơ bệnh dịch bệnh nguy hiểm khác. Duy trì các tổ giám sát dịch bệnh, thường trực công tác phòng chống dịch bệnh, thiên tai thảm họa.

Thực hiện Công văn số 28/UBND-VX ngày 04/01/2018 của UBND tỉnh về việc phòng chống rét cho người bệnh và phòng chống các bệnh dịch do rét đậm rét hại, Sở Y tế đã có Công văn số 27/SYT-NVY ngày 10/01/2018 chỉ đạo các đơn vị y tế trực thuộc chủ động triển khai các phương án phòng chống bệnh, dịch do rét đậm, rét hại kéo dài gây ra, cụ thể: Tăng cường công tác giám sát, trực các bệnh truyền nhiễm gây dịch, thực hiện truyền thông các biện pháp phòng bệnh do rét, lạnh gây ra; đặc biệt chú trọng thực hiện phòng chống bệnh tại các địa phương có nền nhiệt độ dự báo thấp: Sa Pa, Bắc Hà, Si Ma Cai, Mường Khương, Bát Xát.

Tình hình dịch bệnh trong tháng 01: Không xảy ra các dịch bệnh nguy hiểm; một số bệnh truyền nhiễm như cúm mùa, tiêu chảy, tay chân miệng, thủy đậu xảy ra rải rác tại các huyện, thành phố được giám sát phát hiện, điều trị kịp thời khỏi bệnh.

Số phơi nhiễm đã tiêm vắc xin phòng dại: 259 người; tiêm huyết thanh kháng dại: 32 người, không có trường hợp tử vong nghi do bệnh dại.

(Do đang cập nhật phần mềm và rà soát lại số liệu, biểu tình hình bệnh dịch báo cáo bổ sung vào tháng 2).

2.2. Công tác khám chữa bệnh

Công tác khám chữa bệnh được thực hiện tốt ở các tuyến; khám chữa bệnh bảo hiểm y tế và khám chữa bệnh cho trẻ em dưới 6 tuổi được quan tâm; đảm bảo chế độ thường trực cấp cứu 24/24 giờ, chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị giữ ấm cho người bệnh; sẵn sàng tiếp nhận, điều trị kịp thời các ca bệnh, đặc biệt là các ca bệnh thường gặp trong những ngày thời tiết rét đậm, rét hại; thực

hiện nghiêm các quy định về tinh thần, thái độ, trách nhiệm phục vụ nhân dân trong các cơ sở khám, chữa bệnh công lập.

Công tác KCB BHYT được đảm bảo; thực hiện đầy đủ việc chuyển dữ liệu khám chữa bệnh BHYT lên hệ thống thông tin giám định BHYT theo quy định để đảm bảo việc tạm ứng, thanh toán chi phí cho các đơn vị.

Công suất sử dụng giường bệnh bình quân trong toàn tỉnh là 123,7%; trong đó tại tuyến bệnh viện: 135,8%, PKĐKKV: 60,3%.

(Thống kê tình hình khám chữa bệnh trong tháng chi tiết tại Phụ lục 2).

2.3. Hoạt động kiểm dịch y tế biên giới

Kiểm tra y tế: Phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất nhập cảnh (XNC): 16.236 phương tiện; khách XNC: 31.904 lượt. Xử lý y tế: 5.617 lượt phương tiện nhập cảnh; phun khử trùng 33 lần tại khu vực cửa khẩu, khu kiểm hóa; 81 lượt người qua lại biên giới được áp dụng biện pháp dự phòng bệnh sốt rét. Không phát hiện trường hợp mắc bệnh kiểm dịch y tế quốc tế.

2.4. Truyền thông – GDSK

Truyền thông gián tiếp: 95 tin, bài, ảnh; truyền thông trực tiếp tại cộng đồng 23.320 lần với 69.728 lượt người tham gia. Nội dung tuyên truyền: Công tác chỉ đạo điều hành của Sở Y tế, kiến thức đảm bảo ATVSTP, phòng chống bệnh trong mùa rét đậm, rét hại, phòng chống tác hại thuốc lá, sức khỏe bà mẹ trẻ em, phòng chống bệnh học đường và dinh dưỡng học đường...

2.5. Công tác Giám định y khoa và Pháp y

Giám định y khoa: Tiếp nhận và tổ chức giám định cho 195 đối tượng trong đó: Hưu trí: 169, tai nạn lao động: 08, thương binh: 15, chất độc hóa học: 03.

Giám định pháp y: Thương tích: 15 ca, tử thi: 38 ca.

2.6. Công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ diện tỉnh quản

Tổng số khám: 264 lượt, trong đó: Khám thường kỳ: 209 vào viện điều trị: 41, chuyển tuyến trung ương: 14.

2.7. Công tác dược

Thông báo đình chỉ lưu hành 03 thuốc, 01 mỹ phẩm, 01 thuốc giả theo thông báo của Cục Quản lý Dược.

Cấp 01 Chứng chỉ hành nghề Dược; 07 Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc; 05 Giấy CN thực hành tốt nhà thuốc; 01 Giấy chứng nhận thực hành tốt phân phối thuốc.

Đáp ứng nhu cầu thuốc, vật tư y tế cho khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh và ứng cứu thiên tai thảm họa.

2.8. Công tác kiểm nghiệm

Lấy 27 mẫu (dược phẩm: 25, phân tích độc chất: 02). Công tác kỹ thuật: Dược phẩm: 30 (05 mẫu chuyên từ tháng 12/2017) trong đó: Đạt chất lượng: 05, đang kiểm nghiệm: 25; phân tích độc chất: 02/02 mẫu không có độc chất.

2.9. Công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng chống tham nhũng

Trong tháng 01/2018, Sở Y tế và các đơn vị có chức năng thanh tra, kiểm tra trong ngành chưa tiến hành công tác thanh, kiểm tra. Không có đơn thư khiếu nại, tố cáo.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Tổ chức Hội nghị Tổng kết công tác y tế năm 2017, phương hướng hoạt động năm 2018.

Tham dự Hội nghị trực tuyến triển khai công tác y tế năm 2018 và Đề án xây dựng phát triển mạng lưới y tế cơ sở trong tình hình mới theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ do Bộ Y tế tổ chức.

Duy trì và đẩy mạnh các hoạt động đoàn thể.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Tháng 01 năm 2018, Ngành Y tế tiếp tục đẩy mạnh thực hiện kế hoạch công tác năm; công tác chỉ đạo điều hành kịp thời, cụ thể cho từng lĩnh vực, các dự án Chương trình mục tiêu y tế - dân số và hoạt động chuyên môn.

Tăng cường công tác giám sát dịch bệnh nguy hiểm như: Sốt xuất huyết, bệnh đầu nhỏ do vi rút zika, viêm não virus, tả, sởi, cúm A/H5N1, cúm A/H7N9, bạch hầu,... phòng chống dịch bệnh trong mùa rét; sẵn sàng đáp ứng kịp thời, đầy đủ phương tiện, hóa chất, thuốc, nhân lực cho phòng chống dịch bệnh, thiên tai thảm họa. Thực hiện tốt công tác tiêm vắc xin định kỳ cho trẻ em. Tăng cường kiểm tra dược, mỹ phẩm. Đảm bảo VSATTP, sẵn sàng ứng phó kịp thời, hiệu quả với thiên tai, thảm họa xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Khám chữa bệnh được duy trì tốt ở các tuyến; công suất sử dụng giường bệnh cao, bình quân tại bệnh viện là 135,8%, PKĐKKV là 60,3%. Khám chữa bệnh BHYT được quan tâm, thuận lợi cho người bệnh sử dụng dịch vụ y tế.

Công tác đảng, đoàn thể được quan tâm thực hiện; duy trì tốt các phong trào thi đua, giáo dục y đức cho cán bộ nhân viên trong toàn ngành.

IV. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU THÁNG 02/2018

1. Tham mưu trình phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW và Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân và công tác dân số trong tình hình mới.

2. Đẩy mạnh tiến độ Kế hoạch thực hiện Đề án số 7 “Phát triển y tế, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân”.

3. Tiếp tục tăng cường các biện pháp giám sát, phòng chống dịch bệnh nguy hiểm, các bệnh dịch theo mùa. Sẵn sàng, chủ động trong phòng chống dịch bệnh, phòng chống thiên tai thảm họa.

4. Tập trung phát triển dịch vụ y tế, tăng cường dịch vụ khám chữa bệnh vùng khó khăn, nâng cao chất lượng dịch vụ y tế.

5. Đẩy mạnh thực hiện Chương trình mục tiêu y tế - dân số; tập trung hoạt động chăm sóc sức khỏe bà mẹ- trẻ em, chiến dịch lồng ghép, tăng cường các hoạt động truyền thông và cung cấp các dịch vụ dân số - KHHGD.

6. Tăng cường kiểm tra đảm bảo an toàn VSTP trên địa bàn tỉnh.

7. Đảm bảo hậu cần, thuốc, vật tư y tế cho phòng bệnh, chữa bệnh và phòng chống thiên tai thảm họa; tổ chức kiểm tra công tác thường trực phòng chống dịch bệnh trong dịp tết.

8. Tổ chức công tác trực tết, đảm bảo công tác y tế trong dịp Tết Nguyên đán năm 2018; tổ chức thăm hỏi người bệnh và cán bộ y tế tham gia trực tết.

9. Duy trì, đẩy mạnh các hoạt động đoàn thể, phong trào thi đua.

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Bộ Y tế;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Ban VHXH (HĐND tỉnh);
- Sở KH&ĐT; Cục Thống kê;
- Ban Giám đốc ;
- Các đơn vị y tế (email);
- Cổng thông tin điện tử SYT (email);
- Lưu KHTC,VT.



KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC



Nông Đình Hùng

Phụ lục 2: Tổng hợp khám, chữa bệnh tháng 01 năm 2018

STT	NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG	ĐƠN VỊ TÍNH	Thực hiện toàn tỉnh	Các tuyến							
				Bệnh viện tỉnh huyện		PKKV		Trạm y tế xã			
				Thực hiện	Tỷ lệ %	Thực hiện	Tỷ lệ %	Thực hiện	Tỷ lệ %		
I	HOẠT ĐỘNG KHÁM CHỮA BỆNH										
	GIƯỜNG BỆNH	Giường	2,495	2,095	84.0	400	16.0	820	32.9		
1	Tổng số lần khám bệnh	L. người	97,513	54,550	55.9	16,624	17.0	26,339	27.0		
	Tổng số lần khám bệnh BHYT	L. người	85,556	46,823	54.7	16,533	19.3	22,200	25.9		
	Trong đó:	BHYT NN	L. người	12,724	5,555	43.7	3,261	25.6	3,908	30.7	
		BHYT DT	L. người	17,621	7,418	42.1	4,349	24.7	5,854	33.2	
Trẻ em dưới 6 tuổi		L. người	16,641	7,306	43.9	2,594	15.6	6,741	40.5		
2	Tổng số khám người cao tuổi >=60 tuổi	L. người	16,274	12,109	74.4	2,221	13.6	1,944	11.9		
3	Tổng số khám YHCT	L. người	15,287	4,439	29.0	4,105	26.9	6,743	44.1		
4	Tổng số khám BN người nước ngoài	L. người	20	20	100.0	0	0.0	0	0.0		
5	Tổng số khám sức khỏe	L. người	1,977	1,977	100.0	0	0.0		0.0		
6	Tổng số khám ngoại viện	L. người	6,550	624	9.5	723	11.0	5,203	79.4		
7	7.1	TS BN điều trị nội trú	L. người	14,196	12,796	90.1	1,315	9.3	85	0.6	
		Tổng số ngày điều trị nội trú	Ngày	95,671	88,196	92.2	7,475	7.8	404	0.4	
		Ngày điều trị trung bình/ 1 BN	Ngày	6.74	6.89		5.68				
	7.2	Công suất SD giường bệnh	%	123.69	135.80		60.28				
	Trong đó	BHYT NN	Tổng số BN	L. người	2,292	1,934	84.4	339	14.8	19	0.8
			T/s ng.điều trị	Ngày	15,685	13,705	87.4	1,885	12.0	95	0.6
		BHYT DT	Tổng số BN	L. người	3,227	2,753	85.3	435	13.5	39	1.2
			T/s ng.điều trị	Ngày	22,633	20,026	88.5	2,426	10.7	181	0.8
		Trẻ em dưới 6 tuổi	Tổng số BN	L. người	4,072	3,748	92.0	315	7.7	9	0.2
			T/s ng.điều trị	Ngày	23,286	21,524	92.4	1,720	7.4	42	0.2
7.3	T/s BN điều trị nội trú YHCT	L. người	1,086	939	86.5	140	12.9	7	0.6		
7.4	T/s BN điều trị nội trú NCT	L. người	1,856	1,737	93.6	119	6.4	0	0.0		

8	Tổng số BN điều trị ngoại trú		L. người	9,802	8,299	84.7	466	4.8	1,037	10.6
9	Số bệnh nhân chuyển tuyến		L. người	3,626	2,309	63.7	1,060	29.2	257	7.1
	Trong đó	BHYT NN	L. người	650	394	60.6	195	30.0	61	9.4
		BHYT DT	L. người	2,115	1,425	67.4	624	29.5	66	3.1
	Trẻ em dưới 6 tuổi		L. người	346	171	49.4	111	32.1	64	18.5
10	Số bệnh nhân tử vong		Người	10	10	100.0	0	0.0	0	0.0
	Trong đó	Trước 24 giờ	Người	4	4	100.0	0	0.0	0	0.0
		Sau 24 giờ	Người	6	6	100.0	0	0.0	0	0.0
11	Tổng số ca phẫu thuật		ca	1,078	1,078	100.0	0	0.0		0.0
	Trong đó	Loại đặc biệt	ca	36	36	100.0	0	0.0		0.0
12	Tổng số ca thủ thuật		ca	58,043	57,495	99.1	522	0.9	26	0.0
	Trong đó	Loại đặc biệt	ca	72	71	98.6	1	1.4	0	0.0
13	Tổng số đẻ (kể cả mổ lấy thai)		Người	1,097	1,032	94.1	31	2.8	34	3.1
	Trong đó Mổ lấy thai		Người	357	357	100.0	0	0.0	0	0.0
	Trẻ SS có P < 2.500gr		Người	60	60	100.0	0	0.0	0	0.0
14	Số BN tai nạn		L. người	844	550	65.2	77	9.1	217	25.7
	Trong đó	TN giao thông	L người	225	169	75.1	14	6.2	42	18.7
		TN khác	L người	619	381	61.6	63	10.2	175	28.3
II	HOẠT ĐỘNG CẬN LÂM SÀNG									
1	Tổng số Xét nghiệm		L. ng	98,246	96,716	98.4	1,523	1.6	7	0.0
2	Chẩn đoán hình ảnh		L. ng	45,884	36,838	80.3	382	0.8	8,664	18.9
III	TS BN TÁN SỎI NGOÀI CƠ THỂ		L. ng	7	7	100.0	0	0.0		0.0
IV	TỔNG SỐ CHẠY THẬN NT		L. ng	0	0	0.0	0	0.0		0.0